

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THÁI PHIÊN
ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ II MÔN NGỮ VĂN LỚP 10
NĂM HỌC 2020-2021

A. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II

T T	Kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng		% Tổng điểm
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
		Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Số câu hỏi	Thời gian (phút)	
1	Đọc hiểu	15	5	15	5	10	10	0	0	06	20	40
2	Làm văn	25	10	15	10	10	20	10	30	01	70	60
Tổng		40	15	30	15	20	30	10	30	07	90	100
Tỉ lệ %		40		30		20		10				100
Tỉ lệ chung		70				30						100

B. BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhậ n biết	Thôn g hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	- Đọc hiểu các văn bản/đoạn trích thuộc thể phú, cáo, nghị luận trung đại (ngữ liệu ngoài sách giáo khoa).	Nhận biết: - Xác định được phương thức biểu đạt, thể loại của văn bản/đoạn trích. - Xác định các chi tiết tiêu biểu trong văn bản/đoạn trích. - Chỉ ra thông tin trong văn bản/đoạn trích. - Nhận diện đặc trưng của phong cách ngôn ngữ nghệ thuật thể hiện trong văn bản/đoạn trích Thông hiểu: - Hiểu được đặc sắc về nội dung của văn bản/đoạn trích: chủ đề, tư tưởng, vấn đề nghị luận... - Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của văn bản/	3	2	1	0	6

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			đoạn trích: lập luận, ngôn ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,... - Hiểu được một số đặc trưng của thể loại thể hiện trong văn bản/đoạn trích. Vận dụng: - Nhận xét giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong văn bản. - Rút ra được những bài học, thông điệp từ nội dung văn bản.					
		- Đọc hiểu văn bản văn xuôi tự sự trung đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa).	Nhận biết: - Xác định được phương thức biểu đạt, thể loại của văn bản/đoạn trích. - Xác định được các sự việc chi tiết tiêu biểu, nhân vật trong văn bản/đoạn trích. - Chỉ ra thông tin trong văn bản/đoạn trích. - Nhận diện đặc trưng của phong cách ngôn ngữ nghệ thuật thể hiện trong văn bản/đoạn trích Thông hiểu: - Hiểu được đặc sắc về nội dung của văn bản/đoạn trích: chủ đề, tư tưởng, ý nghĩa của hình tượng nhân vật, ý nghĩa của sự việc chi tiết tiêu biểu... - Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: nghệ thuật trần thuật, nghệ thuật xây dựng nhân					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			vật... - Hiểu được một số đặc trưng của tự sự trung đại thể hiện trong văn bản/đoạn trích. Vận dụng: - Nhận xét giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong văn bản; sự khác biệt giữa văn xuôi tự sự trung đại với văn xuôi tự sự hiện đại. - Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.					
		- Đọc hiểu truyện thơ, ngâm khúc trung đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa).	Nhận biết: - Xác định phương thức biểu đạt, thể loại của văn bản/đoạn trích. - Xác định nhân vật, chi tiết nghệ thuật tiêu biểu của văn bản/đoạn trích. - Chỉ ra được thông tin trong văn bản/ đoạn trích. - Nhận diện đặc trưng của phong cách ngôn ngữ nghệ thuật thể hiện trong văn bản/đoạn trích. Thông hiểu: - Hiểu được đặc sắc về nội dung của văn bản/đoạn trích: chủ đề, tình cảm của nhân vật... - Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của văn bản/ đoạn trích: ngôn ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ...					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			- Hiểu được một số đặc trưng của thể loại thể hiện trong văn bản/đoạn trích. Vận dụng: - Nhận xét giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong văn bản - Rút ra được những bài học, thông điệp từ nội dung văn bản					
2	LÀM VĂN	- Nghị luận về đoạn trích <i>Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ</i> (trích <i>Chinh phụ ngâm</i>)	Nhận biết: - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu thông tin về thời đại, tác giả, dịch giả, tác phẩm <i>Chinh phụ ngâm</i> và đoạn trích <i>Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ</i>. - Xác định được nội dung cảm xúc, nhân vật trữ tình... của đoạn trích. - Nhận diện được từ cổ, điển tích, điển cố trong văn bản/đoạn trích. Thông hiểu: - Trình bày được nội dung và nghệ thuật đoạn trích: nỗi đau khổ của người chinh phụ phải sống trong cảnh cô đơn, khao khát hạnh phúc lứa đôi; nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật... Vận dụng: - Vận dụng kĩ năng tạo lập văn bản; vận dụng kiến thức về lập luận trong văn nghị luận, các					1*

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			thao tác nghị luận; vận dụng kiến thức về tác phẩm để viết được bài văn nghị luận hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề bài. - Nhận xét, đánh giá giá trị của tác phẩm, vai trò của tác giả, dịch giả trong văn học Việt Nam. Vận dụng cao: - Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận để có những phát hiện sâu sắc, mới mẻ vấn đề nghị luận; - Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong đoạn trích đối với cuộc sống, xã hội hiện tại.					
		- Nghị luận về đoạn trích <i>Truyện Kiều</i>: - <i>Trao duyên</i> - <i>Chí khí anh hùng</i>	Nhận biết: - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận. - Giới thiệu thông tin về thời đại, tác giả, tác phẩm <i>Truyện Kiều</i> và đoạn trích. - Xác định được nội dung, nhân vật, biện pháp nghệ thuật... trong đoạn trích. - Nhận diện được từ cổ, điển tích, điển cố trong					

TT	Nội dung kiến thức/kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			văn bản/đoạn trích. Thông hiểu: - Trình bày được nội dung và nghệ thuật đoạn trích: + <i>Trao duyên</i>: bi kịch tình yêu, thân phận bất hạnh và sự hi sinh quên mình của Kiều vì hạnh phúc của người thân qua lời “trao duyên” đầy đau khổ; nghệ thuật khắc họa nội tâm nhân vật Thúy Kiều. + <i>Chí khí anh hùng</i>: khát vọng lên đường, lí tưởng anh hùng của Từ Hải; nghệ xây dựng hình tượng người anh hùng Từ Hải. Vận dụng: - Vận dụng các kỹ năng lập dàn ý, tạo lập văn bản, sử dụng các thao tác nghị luận; kỹ năng đọc hiểu tác phẩm để viết được bài văn nghị luận hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề bài. - Nhận xét, đánh giá giá trị của tác phẩm, vai trò của tác giả Nguyễn Du trong văn học Việt Nam. Vận dụng cao: - Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận để có những phát hiện sâu sắc, mới mẻ vấn đề nghị luận;					

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Chuẩn kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			- Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong đoạn trích đối với cuộc sống, xã hội hiện tại.					
Tổng								7
Tỉ lệ %				40	30	20	10	
Tỉ lệ chung				70		30		

C. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II NĂM HỌC 2020 – 2021

- Thời gian làm bài: 90 phút.

- Đề bài gồm có 2 phần:

I. Đọc hiểu (4.0 điểm).

- Đề đọc hiểu gồm 6 câu cho 3 mức độ: **Nhận biết** (3 câu), **thông hiểu** (2 câu), **vận dụng** (1 câu).

- Phần vận dụng không yêu cầu viết đoạn văn, HS có thể gạch ý để làm bài, **nội dung căn cứ từ ngữ liệu đọc hiểu**.

- Phạm vi ra đề: (Ngữ liệu ngoài SGK)

+ Văn bản/đoạn trích thuộc thể phú, cáo, nghị luận trung đại

+ Văn bản văn xuôi tự sự trung đại

+ Truyện thơ, ngâm khúc trung đại

II. Làm văn (6.0 điểm).

Các đoạn trích của VHVN học ở học kì II theo giới hạn của tổ chuyên môn.

D. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP

1. TÌNH CẢNH LỄ LOI CỦA NGƯỜI CHINH PHỤ (TRÍCH CHINH PHỤ NGÂM - ĐẶNG TRẦN CÔN)

I. Kiến thức về tác giả, tác phẩm

1. Tác giả

- Đặng Trần Côn, người làng Nhân Mục, huyện Thanh Trì, Hà Nội, sống vào khoảng nửa đầu thế kỷ XVIII. Ông đỗ Hương Cống, làm quan dưới thời Lê - Trịnh.

- **Dịch giả:** Đoàn Thị Điểm (1705-1848) hiệu Hồng Hà nữ sĩ, người Kinh Bắc, là con nhà dòng dõi, nổi tiếng về “*dung nhan kiêu lệ*” và “*hay chữ*”. Bà còn là tác giả của “*Truyện kỳ tân phả*”.

2. Tác phẩm “Chinh phụ ngâm”

a. Khái quát:

- Gồm 476 câu thơ theo thể trường đoản cú cú.

- Thể loại: Ngâm khúc.

b. Nội dung:

- Thể hiện diễn biến tâm trạng của người chinh phụ trong thời gian chồng đi chinh chiến

- Nói lên sự chán ghét chiến tranh phi nghĩa, đặc biệt là thể hiện tâm trạng khao khát tình yêu, hạnh phúc lứa đôi.

3. Đoạn trích

- Viết về tình cảnh và tâm trạng người chinh phụ phải sống cô đơn, buồn khổ trong thời gian dài người chồng đi đánh trận, không có tin tức, không rõ ngày trở về.

II. Nội dung và nghệ thuật

1. Nội dung

** Diễn tả tâm trạng qua hành động lặp đi lặp lại của người chinh phụ:*

- Nhớ chồng, mong ngóng hết đứng lại ngò, hết đi ngoài hiên lại vào trong phòng, vén rèm lên trông ngóng tin chim thước báo rồi lại rủ rèm xuống.
- Sự lặp lại của hành động thể hiện tâm trạng bồn chồn, ngóng trông của người thiếu phụ trong nỗi cô đơn.

** Diễn tả nội tâm qua ngoại cảnh:*

- Ngọn đèn – Hoa đèn – bóng người kết hợp với 2 câu hỏi tu từ “*đèn có biết, đèn chẳng biết*” cực tả cảm giác cô đơn và sự khát khao được đồng cảm của người chinh phụ trong đêm vắng. Nhịp điệu, vần điệu của vần lưng, vần chân của câu thơ song thất tạo nên âm điệu bi thiết xót xa.
- Âm thanh của tiếng gà gáy, bóng cây hoè kết hợp với từ láy gợi cảm “*eo óc, phát phơ*” không chỉ tạo không gian thơ âm đạm mà còn gợi nên hình ảnh người chinh phụ với tâm trạng trầm tư triu nặng u buồn.
- Biện pháp so sánh góp phần cụ thể hoá nỗi buồn và vĩnh cửu hoá một nỗi buồn vô tận của người chinh phụ.

→ Người chinh phụ nhớ chồng hết ra lại vào, bồn chồn ngóng trông, ngày dài đằng đẳng, đêm đêm buồn thao thức năm canh tâm trạng u sầu, buồn bã.

** Nội tâm của người thiếu phụ được thể hiện qua những hành động gắng gượng thoát khỏi sự bủa vây của cảm giác cô đơn.*

- Các từ “*gượng*” đặt trước + hành động “*soi gương, đốt hương, ôm đàn*” nhấn mạnh sự gượng gạo, cố ép mình theo lí trí, cố gắng duy trì đời sống bình thường nhưng không thoát được sự bủa vây của nỗi nhớ, và khao khát tình chồng vợ sum họp.

** Nội tâm của người chinh phụ được thể hiện qua các hình ảnh thiên nhiên.*

- Núi non, trời đất gợi sự xa xôi, cách trở.
 - Sương gió, mưa, tiếng trùng gợi sự lạnh lẽo.
 - Các từ láy “*thăm thẳm, đau đau, thiết tha*”: tất cả gợi sự cô đơn, buồn nhớ.
- Đoạn thơ miêu tả tâm trạng của người chinh phụ ở nhiều khía cạnh: miêu tả hành động để thể hiện nội tâm, có đoạn lấy ngoại cảnh thể hiện. Giọng điệu đa dạng: Có đoạn tác giả kể, có đoạn nhân vật trực tiếp giải bày lòng mình. Nhưng tất cả đều thể hiện nỗi nhớ nhung, cô đơn, buồn khổ và khao khát hạnh phúc lứa đôi.

2. Nghệ thuật

- Các từ láy dùng để miêu tả thời gian, tâm trạng được sử dụng tài tình.
- Khắc họa nội tâm nhân vật đặc sắc.
- Thể thơ dân tộc được tác giả sử dụng thuần thục, nhuần nhuyễn.

2. TRAO DUYÊN (TRÍCH TRUYỆN KIỀU – NGUYỄN DU)

I. Kiến thức về tác phẩm

1. Vị trí đoạn trích

- Từ câu 723 đến câu 756 trong tác phẩm *Truyện Kiều*. (Trước đoạn trích : *Gia đình Kiều gặp biến cố và Kiều phải bán mình chuộc cha. Sau đoạn trích : Kiều theo Mã Giám Sinh về lầu xanh*)

2. Ý nghĩa của đoạn trích đối với tác phẩm

- Mở đầu quãng đời mười lăm năm lưu lạc của Thúy Kiều.
- Thể hiện bi kịch tình yêu tan vỡ của Thúy Kiều.

3. Tóm tắt nội dung:

Bọn sai nha gây nên vụ án oan cho gia đình Thúy Kiều, nàng buộc phải hi sinh mối tình với Kim Trọng, bán mình để lấy tiền chuộc cha và em. Việc bán mình đã thu xếp xong, Kiều ngồi trắng đêm nghĩ đến thân phận và tình yêu rồi nàng nhờ em gái là Thúy Vân thay mình kết duyên cùng Kim Trọng.

II. Nội dung

1. Mười hai câu đầu: *Thúy Kiều nhờ cậy Thúy Vân trả nghĩa cho Kim Trọng*

a. Kiều nhờ cậy Thúy Vân

- Những từ “*cậy*”, “*chịu*” cho thấy Kiều rất tin tưởng và trông cậy vào sự giúp đỡ của Thúy Vân, đồng thời cũng rất ý thức về thiệt thòi của Vân khi phải thay Kiều lấy Kim Trọng.
- Những từ “*lạy*”, “*thưa*” cho thấy Kiều đã phải hạ mình trước em để nhờ cậy. Đồng thời những từ ngữ ấy cũng thể hiện tính chất trang trọng của cuộc đối thoại, khiến Vân không thể nào không lắng nghe.

b. Kiều tâm sự

- Tình yêu giữa Kiều và Kim Trọng đang nồng nàn, tha thiết thì “*Giữa đường đứt gánh tương tư*”, đột ngột tan vỡ, chia lìa vì cơn tai biến xảy ra với gia đình.
- Kiều vì cha, vì để làm tròn chữ hiếu mà đã hi sinh tình yêu với Kim Trọng.

c. Kiều thuyết phục em cả bằng lí lẽ và tình cảm

- Kiều đã bán mình để chuộc cha, vậy Vân cũng phải chia sẻ trách nhiệm, giúp Kiều trả nghĩa cho chàng Kim.
- Vân vẫn còn trẻ, vẫn có thể thay Kiều lấy Kim Trọng.
- Vân có thể vì “*xót tình máu mủ*”, vì tình cảm chị em ruột thịt mà giúp Kiều.
- Nếu Vân giúp Kiều, Kiều sẽ vô cùng biết ơn, dù có chết cũng sẽ vô cùng thanh thản mà “*ngâm cười chín suối*”.

→ Qua 12 câu đầu của đoạn trích, có thể thấy được Kiều là cô gái hiểu thảo, thông minh, sắc sảo và biết nghĩ cho người khác.

2. Sáu câu tiếp theo: *Kiều trao kỉ vật cho em.*

- Những kỉ vật tình yêu: chiếc vành, bức tờ mây, phím đàn, mảnh hương.
- Thái độ khi trao kỉ vật: dùng dằng, đầy mâu thuẫn “*Duyên này thì giữ vật này của chung*”. → Thái độ ấy cho thấy Kiều vô cùng đau đớn, giằng xé trong tâm trạng. Lí trí thì thúc giục hành động trao duyên cho em, nhưng trái tim thì chưa thể nào dứt được tình yêu với Kim Trọng. Mâu thuẫn giữa lí trí và tình cảm bộc lộ thành những mâu thuẫn trong lời nói của Kiều.

3. Tám câu tiếp theo: *Kiều dặn dặn em sau khi trao duyên*

- Sau khi trao duyên cho Vân, Kiều xem như mình đã chết, lời dặn dặn của nàng nghe như một lời trăng trối.
 - Linh hồn của Kiều sẽ chẳng thể siêu thoát được vì còn mang nặng lời thề với chàng Kim.
 - Kiều mong Vân “*rưới xin chén nước cho người thác oan*”, mong đợi một tấm lòng đồng cảm, sẽ chia để có thể giải tỏa được nỗi niềm, để Kiều được an ủi phần nào.
- Đoạn thơ thể hiện Kiều là cô gái vô cùng nặng tình, nặng nghĩa. Dẫu có chết đi rồi, linh hồn của Kiều vẫn ghi tạc lời thề với chàng Kim.

4. Tám câu cuối: *Kiều đau đớn trở với thực tại.*

- Thực tại đồ vỡ, chia lìa được miêu tả qua một loạt những hình ảnh ước lệ: *trâm gãy gương tan, tơ duyên đứt ngói, phận bạc như vôi, nước chảy hoa trôi*.
- Kiều hoàn toàn rơi vào tâm trạng bế tắc, tuyệt vọng.
- Tiếng gọi chàng Kim vô cùng tha thiết và đau đớn. Kiều còn tự nhận rằng mình đã phụ bạc chàng Kim, nàng đã nhận lỗi hết về phần mình. Ứng xử ấy cho thấy nhân cách cao thượng và tấm lòng vị tha của Kiều.

→ Đoạn trích bộc lộ phẩm chất cao quý của Thúy Kiều: Trong đau khổ tột cùng Kiều vẫn sáng lên vẻ đẹp của một nhân cách cao thượng: có hiếu với cha mẹ, thương em, ân cần, chu đáo, hiểu mình, hiểu đời, chịu nhận phần thiệt thòi về mình, quên đi bất hạnh của mình để cảm thông cho người khác. Đồng thời đoạn trích cũng thể hiện nỗi đau đớn cực độ của Kiều khi phải tự nguyện từ bỏ mối tình đầu của mình. Những phẩm chất của Kiều cũng là phẩm chất đẹp đẽ của người phụ nữ Việt Nam qua nhiều thời đại.

III. Nghệ thuật

- Ngôn ngữ độc thoại nội tâm sinh động.

- Có sự kết hợp giữa các hình ảnh ước lệ, thán từ, động từ, hình ảnh sinh động... góp phần thể hiện diễn biến tâm trạng của nhân vật.

3. CHÍ KHÍ ANH HÙNG (TRÍCH TRUYỆN KIỀU – NGUYỄN DU)

I. Kiến thức về tác phẩm

1. Vị trí đoạn trích :

- Từ câu 2213 đến câu 2230 trong Truyện Kiều.

2. Tóm tắt nội dung

Cuộc đời Kiều tưởng như bế tắc hoàn toàn khi rơi vào lầu xanh lần thứ hai thì Từ Hải bỗng xuất hiện và cứu Kiều ra khỏi cảnh ô nhục. Hai người sống với nhau hạnh phúc. Nhưng Từ Hải không bằng lòng với cuộc sống êm đềm bên cạnh nàng Kiều tài sắc, chàng muốn có sự nghiệp lớn nên sau nửa năm đã từ biệt Kiều ra đi.

II. Nội dung

1. Bốn câu đầu: Quyết tâm lên đường lập sự nghiệp lớn của Từ Hải.

- *Hương lửa đương nồng*: hình ảnh ước lệ miêu tả cuộc sống lứa đôi đang mặn nồng, hạnh phúc. - *Trượng phu*: người đàn ông có ý chí, hoài bão lớn lao, nhân cách cao đẹp. Dùng từ này để gọi Từ Hải, Nguyễn Du tỏ rõ thái độ trân trọng, ngợi ca đối với nhân vật này.

- *Động lòng bốn phương*: ý muốn lên đường lập nên sự nghiệp lớn, cũng là hoài bão lớn lao của thân nam nhi.

- *Trời bể mênh mang*: không gian rộng lớn, mang tầm vũ trụ. Không gian ấy cũng góp phần thể hiện chí khí lớn lao của người anh hùng Từ Hải.

- *Thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng rong*: Hình ảnh thể hiện quyết tâm vô cùng mạnh mẽ, dứt khoát của Từ Hải.

2. Mười hai câu tiếp: Cuộc đối thoại giữa Từ Hải và Thúy Kiều.

- Kiều không giữ chân Từ Hải, nhưng nàng muốn đi theo. Ước muốn của Kiều cũng có thể dễ dàng hiểu và thông cảm được. Đã trải qua quá nhiều sóng gió trong cuộc đời, bây giờ nàng mới tìm được bến đỗ bình yên, cho nên nàng không nỡ rời xa người đàn ông của mình.

- Từ Hải từ chối yêu cầu của Kiều, nhưng bằng cách nói rất tế nhị. Đồng thời qua lời từ chối ấy, người đọc có thể nhận ra nhiều phẩm chất của người anh hùng Từ Hải.

+ Từ Hải rất thấu hiểu tâm lý của Kiều, cũng rất yêu thương Kiều.

+ Từ Hải là con người tràn đầy lòng tự tin, chàng hẹn với Kiều “*Chầy chăng là một năm sau*” sẽ đến rước nàng.

3. Hai câu cuối: Tư thế lên đường của Từ Hải.

- *Quyết lời dứt áo ra đi*: phong thái vô cùng mạnh mẽ, quyết đoán.

- *Gió mây bằng đã đến kì dặm khơi*: hình ảnh ước lệ thể hiện tầm vóc lớn lao, phi thường của người anh hùng Từ Hải.

- Sử dụng hình ảnh ước lệ để nói về Từ Hải, Nguyễn Du thể hiện ước mơ về một người anh hùng, ước mơ về lẽ công bằng, công lý trong cuộc đời.

→ Với bút pháp lý tưởng hóa nhân vật kết hợp những hình ảnh ước lệ, kì vĩ, Nguyễn Du đã xây dựng thành công hình tượng nhân vật Từ Hải, một người đàn ông có chí khí phi thường, Từ Hải là hình ảnh thể hiện lí tưởng, ước mơ trong cảnh đời tù túng của xã hội cũ.

III. Nghệ thuật

- Sử dụng các hình ảnh ước lệ, kì vĩ.

- Lời thoại trực tiếp, thể hiện tính cách và bản lĩnh của nhân vật.

E. ĐỀ MINH HỌA

ĐỀ 1:

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Nay các thành đã phá, duy còn thành Đông Quan chưa hạ xong. Vì thế ta ăn không ngon, ngồi không yên, ngày đêm lo buồn. Tả hữu chưa có người. Ta làm chủ tướng, mà một là già yếu vô tài, hai là ít học, ít biết, ba là trách nhiệm nặng khó đảm đương, và chưa đặt được các Tướng Quốc, Thái Bảo, Thái Phó, Thái Úy, Đại Nguyên súy còn khuyết. Các quan làm việc nước mười

phần mới được có một hai. Cho nên khuất tất cầu hiền, khuyến cáo người hào kiệt, nên cùng hết sức giúp đỡ muôn dân, chớ có dấu tiếng, dấu tài để cho thiên hạ làm than lâu nữa. Hoặc giả có bậc cao khiết như *tứ Hạo*⁽¹⁾, chính ẩn như *Tử Phòng*⁽²⁾, thì cũng nên vì dân ra cứu nạn, đợi lúc thành công toại chí thì về ở núi rừng, không ai ngăn cấm.

(Năm Đinh Mùi, Lê Thái Tổ đóng quân tại Bồ Đề trên sông Lô, chép theo *Sử Ký*).

(Chiếu khuyến dụ hào kiệt – Trích *Ức Trai tập*, tập thượng, Nguyễn Trãi, NXB Văn học 1994, tr134)

Chú thích:

(1) *Tứ Hạo*: bốn ông già ở cuối đời Tần là *Đổng Viên công*, *Lộc Lý tiên sinh*, *Lý Quý*, *Hạ Hoàng công*, tránh loạn ở núi Trường-sơn. *Hán Cao tổ* muốn mời ra không được.

(3) *Tử Phòng*: *Trương Lương* tự là *Tử Phòng*, giúp *Hán Cao tổ* đánh thiên hạ. Khi công thành được phong *Lưu hầu* rồi ông lui về theo học thuật thần tiên.

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định thể loại của văn bản trên.(0.5 điểm)

Câu 2. Theo đoạn trích, ngoài các thành đã phá thì còn thành nào chưa hạ xong? (0.5 điểm)

Câu 3. Trong đoạn trích, Lê Lợi khuyên các bậc hào kiệt điều gì? (0.5 điểm).

Câu 4. Anh/Chị hiểu như thế nào về câu văn: *Các quan làm việc nước mười phần mới được có một hai. Cho nên khuất tất cầu hiền, khuyến cáo người hào kiệt, nên cùng hết sức giúp đỡ muôn dân, chớ có dấu tiếng, dấu tài để cho thiên hạ làm than lâu nữa ?* (0.75 điểm)

Câu 5. Qua văn bản, hãy cho biết nguyên nhân nào khiến Lê Thái Tổ (tức Lê Lợi) “*ăn không ngon, ngồi không yên, ngày đêm lo buồn.*”? (0.75 điểm)

Câu 6. Anh/Chị có nhận xét gì về con người Lê Lợi qua việc ông “*khuyến cáo người hào kiệt, nên cùng hết sức giúp đỡ muôn dân, chớ có dấu tiếng, dấu tài để cho thiên hạ làm than lâu nữa*”? (1.0 điểm)

II. LÀM VĂN (6.0 điểm)

Anh/Chị hãy phân tích tâm trạng của Thúy Kiều trong đoạn thơ sau:

*Chiếc vành với bức tờ mây,
Duyên này thì giữ vật này của chung.
Dù em nên vợ nên chồng,
Xót người mệnh bạc ắt lòng chẳng quên.
Mất người còn chút của tin,
Phím đàn với mảnh hương nguyên ngày xưa.
Mai sau dù có bao giờ,
Đốt lò hương ấy so tơ phím này.
Trông ra ngọn cỏ lá cây,
Thấy hiu hiu gió thì hay chị về.
Hồn còn mang nặng lời thề,
Nát thân bồ liễu đền nghì trúc mai.
Dạ đài cách mặt khuất lời,
Rưới xin giọt nước cho người thác oan.*

(Trích *Truyện Kiều* - Nguyễn Du, *Ngữ Văn 10*, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam)

ĐỀ 2:

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc đoạn trích:

*Từ ngày muôn dặm phù tang,
Nửa năm ở đất Liêu Dương lại nhà.
Vội sang vương Thúy dò la,
Nhìn xem phong cảnh, nay đã khác xưa.
Đầy vườn cỏ mọc lau thưa,
Song trắng quanh quẽ, vách mưa rã rời...
Trước sau nào thấy bóng người,
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.*

(Trích *Truyện Kiều*, Nguyễn Du, NXB Văn học, 1966)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định thể loại của đoạn trích. (0.5 điểm)

Câu 2. Xác định nhân vật trữ tình trong đoạn trích? (0.5 điểm)

Câu 3. Chỉ ra những hình ảnh về vương Thúy trong đoạn trích? (0.5 điểm)

Câu 4. Anh/Chị hiểu như thế nào về nội dung hai câu sau: (0.75 điểm)

Trước sau nào thấy bóng người,

Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.

Câu 5. Nêu hiệu quả của việc sử dụng từ ngữ mang tính chất trái ngược “vội” và “dò la” trong câu: “*Vội sang vương Thúy dò la*”? (0.75 điểm)

Câu 6. Nhận xét tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn trích? (1.0 điểm)

II. LÀM VĂN (6.0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về hình tượng nhân vật Ngô Tử Văn trong “*Chuyện chức phán sự đền Tản Viên*” của Nguyễn Dữ.

(Ngữ văn 10, Tập hai, NXB Giáo dục, 2006, tr.55-60)

ĐỀ 3:

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc đoạn trích:

*Những mong cá nước vui vầy,
Nào ngờ đôi ngả nước mây cách vơi.
Thiếp chẳng tưởng ra người chinh phụ.
Chàng há từng học lũ vương tôn.
Cớ sao cách trở nước non,
Khiến người thôi sớm thì hôm những sầu?*

(Trích *Chinh phụ ngâm khúc*, Đặng Trần Côn, NXB Đồng Nai, 2001)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích. (0.5 điểm)

Câu 2. Trong đoạn trích, nhân vật trữ tình là ai? (0.5 điểm)

Câu 3. Chỉ ra những chi tiết diễn tả cảnh chia lìa trong đoạn trích? (0.5 điểm)

Câu 4. Nêu hiệu quả của biện pháp ẩn dụ được sử dụng trong câu thơ: “*Những mong cá nước vui vầy*”? (0.5 điểm)

Câu 5. Anh/Chị hiểu như thế nào về nội dung hai câu thơ sau?

*Cớ sao cách trở nước non,
Khiến người thôi sớm thì hôm những sầu?*

Câu 6. Nhận xét về tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn trích?

II. LÀM VĂN (6.0 điểm)

Phân tích đoạn trích sau:

*Lòng này gửi gió đông có tiện?
Nghìn vàng xin gửi đến Non Yên.
Non Yên dù chẳng tới miền,
Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời.
Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu,
Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong.
Cảnh buồn người thiết tha lòng,
Cành cây sương đượm tiếng trùng mưa phun.*

(Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ - trích *Chinh phụ ngâm*, Đặng Trần Côn, *Ngữ văn 10*, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014, tr.88)

ĐỀ 4:

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Ngọc không mài không thành đồ vật, người không học không biết rõ đạo. Đạo là lẽ đối xử hàng ngày giữa mọi người. Kẻ đi học là học điều ấy. Nước Việt ta, từ khi lập quốc đến giờ, nền

chính học đã bị thất truyền. Người ta đua nhau lối học hình thức hòng cầu danh lợi, không còn biết đến tam cương ngũ thường. Chúa tầm thường, thần nịnh hót. Nước mất, nhà tan đều do những điều tệ hại ấy.

Cúi xin từ nay ban chiếu thư cho thầy trò trường học của phủ, huyện, các trường tư, con cháu các nhà văn võ, thuộc lại ở các trấn cựu triều, đều tùy đâu tiện đấy mà đi học.

Phép dạy, nhất định theo Chu Tử. Lúc đầu học tiểu học để bồi lấy gốc. Tuân tự tiến lên học đến tứ thư, ngũ kinh, chư sử. Học rộng rồi tóm lược cho gọn, theo điều học mà làm. Họa may kẻ nhân tài mới lập được công, nhà nước nhờ thế mà vững yên. Đó mới thực là cái đạo ngày nay có quan hệ tới lòng người. Xin chớ bỏ qua.

(La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp, *Bản luận về phép học*)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên.

Câu 2. Theo đoạn trích, những điều tệ hại nào dẫn đến cảnh nước mất, nhà tan?

Câu 3. Căn cứ vào mục đích nói, câu: “*Học rộng rồi tóm lược lại cho gọn, theo điều học mà làm.*” thuộc kiểu câu gì?

Câu 4. Anh/chị hiểu như thế nào về câu văn: “*Ngọc không mài không thành đồ vật, người không học không biết rõ đạo*”?

Câu 5. Tư tưởng tiến bộ của tác giả về việc học được thể hiện rõ ở những nội dung nào trong đoạn trích?

Câu 6. Từ đoạn trích, anh/chị rút ra được bài học gì?

II. LÀM VĂN (6.0 điểm)

Phân tích tâm trạng của người chinh phụ trong đoạn trích sau:

*“Đạo hiên vắng thầm gieo từng bước
Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen.
Ngoài rèm thước chẳng mách tin
Trong rèm, dường đã có đèn biết chăng?
Đèn có biết dường bằng chẳng biết,
Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi.
Buồn rầu nói chẳng nên lời,
Hoa đèn kia với bóng người khá thương.”*

(Trích *Chinh phụ ngâm*, Đặng Trần Côn, *Ngữ văn 10*, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016, tr.87)

ĐỀ 5:

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Từ Đạt người ở Khoái Châu, lên làm quan tại thành Đông Quan, ông thuê nhà ở cạnh cầu Đồng Xuân, láng giềng với nhà quan Thiêm thư là Phùng Lập Ngôn. Phùng giàu mà Từ nghèo, Phùng xa hoa mà Từ tiết kiệm. Phùng chuộng dễ dãi mà Từ thì giữ lễ. Lẽ thói hai nhà đại khái không giống nhau. Song họ cũng lấy nghĩa mà chơi bời đi lại với nhau rất thân, coi nhau như anh em vậy.

Phùng có người con trai là Trọng Quỳ. Từ có con gái là Nhị Khanh, gái sắc trai tài, tuổi cũng vừa suýt soát. Hai người thường gặp nhau trong những bữa tiệc, mến vì tài, yêu vì sắc, cũng có ý muốn kết duyên Châu Trần. Cha mẹ đôi bên cũng vui lòng ưng cho, nhân chọn người mối lái, định kì cưới hỏi.

Nhị Khanh tuy hãy còn nhỏ nhưng sau khi về nhà họ Phùng, khéo biết cư xử với họ hàng rất hòa mục, thờ chồng rất cung thuận. Người ta đều khen là người nội trợ hiền.

Trọng Quỳ lớn lên, dần sinh ra chơi bời lêu lổng. Nhị Khanh thường phải can ngăn. Chàng tuy không nghe nhưng cũng rất kính trọng. Năm chàng 20 tuổi, nhờ phụ ẩm được bổ làm một chức ở phủ Kiến Hưng. Gặp khi vùng Nghệ An có giặc, triều đình xuống chiếu kén một viên quan giỏi bổ vào cai trị. Đình thần ghét lập ngôn tính hay nói thẳng, ý muốn làm hại, bèn hùa nhau tiến cử.

(Trích *Người nghĩa phụ ở Khoái Châu*, *Truyện kì mạn lục*, Nguyễn Dữ, NXBGD, 2001)

Câu 1. Xác định thể loại của văn bản. (0.5 điểm)

Câu 2. Trong đoạn trích, Từ Đạt là ai? (0.5 điểm)

Câu 3. Nhị Khanh được giới thiệu như thế nào trong văn bản? (0.5 điểm)

Câu 4. Theo anh/chị, chi tiết *Đình thần ghét lập ngôn tính hay nói thẳng* gợi cho em suy nghĩ gì về nhân vật? Chi tiết ấy gợi cho em nhớ đến câu ca dao nào khuyên chúng ta đúng mực khi giao tiếp ứng xử trong cuộc sống (0.75 điểm)

Câu 5. Tác giả đã sử dụng thủ pháp nghệ thuật nào trong việc xây dựng nhân vật ? (0.75 điểm)

Câu 6. Từ cách giới thiệu nhân vật Nhị Khanh khi ở nhà chồng, ta thấy rõ thái độ của tác giả đối với nhân vật; anh/chị hãy rút ra thông điệp mà tác giả muốn biểu hiện ở nhân vật này? (1.0 điểm)

II. LÀM VĂN (6.0 điểm)

Phân tích tâm trạng của người chinh phụ trong đoạn trích dưới đây:

<i>Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước,</i>	<i>Gà eo óc gáy sương năm trống,</i>
<i>Ngồi rèm kia rủ thác đòi phen.</i>	<i>Hòe phát phơ rủ bóng bốn bên.</i>
<i>Ngoài rèm thước chẳng mách tin,</i>	<i>Khắc giờ đằng đẵng như niên,</i>
<i>Trong rèm, dường đã có đèn biết chăng?</i>	<i>Mối sầu dằng dặc tựa miền biển xa.</i>

<i>Đèn có biết dường bằng chẳng biết,</i>	<i>Hương gượng đốt hồn đà mê mải,</i>
<i>Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi,</i>	<i>Gương gượng soi lệ lại châu chan.</i>
<i>Buồn rầu nói chẳng nên lời,</i>	<i>Sắt cầm gượng gảy ngón đàn,</i>
<i>Hoa đèn kia với bóng người khá thương</i>	<i>Dây loan kinh đứt phím loan ngại chùng.</i>

(Trích *Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ* - *Chinh phụ ngâm*,
Đặng Trần Côn, *Ngữ văn 10*, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam)

